TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HS-PT

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thủy và bà Nguyễn Thị Mai Hương.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Luận - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2022/TLPT-HS ngày 21 tháng 01 năm 2022 đối với Đỗ Tiến T và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2021/HS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Đỗ Tiến T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân K (đã chết) và bà Lưu Thị L; có vợ là Lê Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 09/6/2021đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: Đỗ Thị T1, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch:Việt Nam; con ông Đỗ Xuân K (đã chết) và bà Lưu Thị L; chồng là Nguyễn Văn T (đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ ngày 11/5/2021chuyển tạm giam ngày 19/5/2021đến nay; có mặt.

3. Họ và tên: Đỗ Thị T2, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch:Việt Nam; con ông Đỗ Xuân K (đã chết) và bà Lưu Thị L; có chồng là Đào Văn C và có 03 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án: Bản án hình sự phúc thẩm số 17/2020/HSPT ngày 23/4/2020 của TAND tỉnh Hà Nam xử phạt 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, về tội: "Cố ý gây thương tích" (bị cáo chưa chấp hành bản án); tiền sự: Không. Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị:

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lương Thị T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977 và chị Nguyễn Thùy L, sinh năm 1999; đều cùng địa chỉ: Tổ dân phố X, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam; đều vắng mặt.

- Chị Tạ Thị T, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn T 2, xã M, huyện X, T phố Hà Nội; vắng mặt.

- Chị Phạm Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố P, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố G, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị T2 M, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện X, T phố Hà Nội; vắng mặt.

- Anh Đặng Văn T, sinh năm 2002 và chị Lại Thị T, sinh năm 1976; đều cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện X, Tp Hà Nội; đều vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Chị Trần Cẩm N, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn L, xã N, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Chị Bùi Thị M, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện X, T phố Hà Nội; vắng mặt.

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Chị Tạ Thị L, sinh năm 1986, anh Đỗ Văn H, sinh năm 1999 và chị Dương Thị B, sinh năm 1980; đều cùng địa chỉ: Xóm 12, thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; đều vắng mặt.

- Anh Tạ Văn L, sinh năm 1998; anh Đinh Văn T, sinh năm 1998; chị Chu Thị T, sinh năm 1989; anh Kiều Văn H, sinh năm 1990; anh Tạ Tuấn T, sinh năm 1984; Trần Thị Thu T, sinh năm 1998; anh Nghiêm Văn C, sinh năm 1993; ông Lê Văn T, sinh năm 1951; anh Tạ Quang H, sinh năm 1992; bà Tạ Thị N, sinh năm 1955; đều cùng địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện H, T phố Hà Nội; đều vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ: Ngách 79, T, quận Đ, T phố Hà Nội; vắng mặt.

- Anh Trương Quốc H, sinh năm 1998; anh Trương Đình T, sinh năm 1997; chị Nghiêm Hồng N, sinh năm 1999; chị Tạ Thị H, sinh năm 1989; anh Trương Đức K, sinh năm 1993; anh Lê Quang D, sinh năm 1997; anh Trương Quốc B, sinh năm 1998; anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1992; anh Đỗ Xuân Q, sinh năm 1997; đều cùng địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện H, T phố Hà Nội; đều vắng mặt.

- Chị Lê Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện H, T phố Hà Nội; vắng mặt.

- Chị Phạm Thanh P, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, T phố Hà Nội; vắng mặt.

- Anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Chị Lê Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 11, quận K, T phố Hà Nội; vắng mặt.

- Anh Đỗ Văn X, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Chị Lê Thị L, sinh năm 1986; chị Phạm Thị H, sinh năm 1985; chị Đinh Thị T, sinh năm 1984; chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1988; đều cùng địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện H, T phố Hà Nội; đều vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1984; anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984; đều cùng địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện X, T phố Hà Nội; đều vắng mặt.

- Chị Phạm Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn Q, xã M, huyện X, T phố Hà Nội; vắng mặt.

- Chị Bùi Thị M, sinh năm 1986; chị Đỗ Thị N, sinh năm 1991; đều cùng địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện X, Tp Hà Nội; đều vắng mặt.

- Anh Vũ Đức A, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Ông Trần Văn Q, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện X, T phố Hà Nội; vắng mặt.

- Chị Phạm Thị Thân T, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Q, xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Chị Thiều Thị D, sinh năm 1978; địa chỉ: xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thấy trên tài khoản Facebook "Phạm Dung" (chưa xác định được lai lịch chủ tài khoản) đăng bài làm Giấy phép lái xe không phải thi với giá 1.700.000 đồng/1 Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 và 8.000.000 đồng/1 Giấy phép lái xe ô tô hạng B2, Đỗ Tiến T đã nảy sinh ý định giao dịch làm Giấy phép lái xe cho những người có nhu cầu để kiếm lời.

Khoảng tháng 5/2020, Đỗ Tiến T nói với em gái là Đỗ Thị T1 việc T có khả năng làm được Giấy phép lái xe không phải thi, chỉ cần nộp số tiền 2.000.000 đồng kèm theo ảnh 3x4, chụp ảnh thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh thư nhân dân là có Giấy phép lái xe lái xe hạng A1; đối với Giấy phép lái xe hạng B2 thì phải nộp số tiền 13.000.000 đồng. Nếu T1 tìm được người có nhu cầu thì T1 được hưởng 200.000 đồng/1 Giấy phép lái xe hạng A1 và 3.000.000 đồng/1 Giấy phép lái xe hạng B2. Ngoài ra, T còn làm cho T1 Giấy phép lái xe hạng A1 theo cách thức trên mang tên Đỗ Thị T1 để sử dụng. T1 đã nói lại việc T làm được Giấy phép lái xe mà không phải thi cho chị gái là Đỗ Thị T2 đang làm Công nhân tại Công ty TNHH Sam Kyoung Vina có địa chỉ tại Khu Công nghiệp Đồng Văn II thuộc phường M, thị xã D biết, đồng thời bảo T2 xem ai có nhu cầu thì chuyển thủ tục để T1 chuyển cho T.

Khoảng tháng 8/2020, trong khi làm việc tại Công ty TNHH LEO JINS Việt Nam có địa chỉ tại Khu Công nghiệp Đồng Văn I thuộc phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam, T1 nói với các chị Lương Thị T, sinh năm 1987, trú tại xã V, thị xã D; Tạ Thị T, sinh năm 1982, trú tại xã M, huyện X, T phố Hà Nội; Phạm Thị H, sinh năm 1980, trú tại phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam; Nguyễn Thị H, sinh năm 1984, trú tại phường G, thị xã D; Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1983, trú tại xã T, huyện X; Nguyễn Thị H, sinh năm 1986, trú tại phường Y, thị xã D; Trần Cẩm N, sinh năm 1992, trú tại xã T, thị xã D; Nguyễn Thị N, sinh năm 1977, trú tại phường Y, thị xã D; Lại Thị T, sinh năm 1976, trú tại xã M, huyện X; Bùi Thị M, sinh năm 1985, trú tại xã M, huyện X (*làm cùng Công ty với T1)* việc T1 có khả năng làm Giấy phép lái xe hạng A1. Do có nhu cầu nên các chị

T, T, Phạm Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Tuyết M, H, N, Bùi Thị M nhờ T1 làm Giấy phép lái xe hạng A1 cho mình; chị N nhờ T1 làm Giấy phép lái xe hạng A1 cho con gái là Nguyễn Thùy L, sinh năm 1999 và chị T nhờ T1 làm Giấy phép lái xe hạng A1 cho con trai là Đặng Văn T, sinh năm 2002. Sau đó, những người trên đã cung cấp ảnh 3x4, thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh thư nhân dân cùng số tiền 2.000.000 đồng/1 Giấy phép lái xe hạng A1 cho T1.

Ngoài ra, Đỗ Thị T1 còn dùng tài khoản Facebook "*Tình Thư*" của mình để đăng thông tin làm Giấy phép lái xe thì có anh Trần Văn H, sinh năm 1989, trú tại xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam liên lạc nhờ làm Giấy phép lái xe hạng B2. T1 yêu cầu cung cấp ảnh 3x4, thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh thư nhân dân và số tiền 13.000.000 đồng, anh H đồng ý. Sau đó, anh H đến nhà T1 đưa ảnh 3x4, ảnh thẻ Căn cước công dân và số tiền 8.000.000 đồng cho T1 và thống nhất khi nào có Giấy phép lái xe hạng B2 thì anh H đưa nốt số tiền 5.000.000 đồng.

Đỗ Thị T1 đã chụp lại ảnh 3x4, thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh thư nhân dân của những người trên rồi chuyển cho T qua ứng dụng Zalo; chuyển số tiền 26.000.000 đồng vào tài khoản số 104871283677 mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Hà Nam của anh Trần Văn D, sinh năm 1990, trú tại xã H, huyện L (*là người làm dịch vụ chuyển tiền)* để anh D chuyển số tiền trên vào tài khoản số 108868940225 mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Hà Nội của T.

Cũng thời điểm này, Đỗ Thị T1 cùng Đỗ Thị T2 đến nhà anh Vũ Đức A, sinh năm 1995, trú tại xã V, huyện L (*là người quen ở cùng xã với T2*) để giới thiệu làm Giấy phép lái xe hạng A1 với giá 1.500.000 đồng. Anh Đức A đồng ý và cung cấp ảnh 3x4, ảnh thẻ Căn cước công dân cùng số tiền 500.000 đồng cho T1, nhưng đến nay anh Đức A vẫn chưa nhận được Giấy phép lái xe hạng A1. Ngoài ra, T1 còn nhận ảnh chụp Giấy phép lái xe hạng A1 cùng Chứng minh thư nhân dân của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (*là chồng chị T*) do chị T cung cấp để đổi Giấy phép lái xe hạng A1 mới cho anh T vì Giấy phép lái xe hạng A1 của anh T đã cũ, nhưng sau đó chị T không đưa tiền và không nhờ T1 đổi Giấy phép lái xe hạng A1 cho anh T; nhận ảnh chụp thẻ Căn cước công dân của chị Thiều Thị D, sinh năm 1978, trú tại xã V, huyện L để làm Giấy phép lái xe hạng A1 nhưng sau đó chị D không đưa tiền và không nhờ T1 làm Giấy phép lái xe hạng A1 cho mình nữa; chị Tạ Thị L, sinh năm 1986, trú tại xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam *(là em chị T)* liên lạc với T1 nhờ làm Giấy phép lái xe hạng A1 cho anh Đỗ Văn H, sinh năm 1999 và chị Dương Thị Bh, sinh năm 1980, đều trú tại xã Đ, huyện K, nhưng sau đó chị L không nhờ T1 làm, không nộp tiền, không cung cấp thông tin gì cho T1.

Đến khoảng tháng 10/2020, Đỗ Tiến T mang Giấy phép lái xe của những người trên cùng hồ sơ về đưa cho Đỗ Thị T1 thì T1 đưa nốt tiền cho T số tiền

2.000.000 đồng/Giấy phép lái xe hạng B2 của anh H (*sau khi H đưa nốt 5.000.000 đồng)*; thu lợi bất chính 2.000.000 đồng/10 Giấy phép lái xe hạng A1và 3.000.000 đồng/1 Giấy phép lái xe B2. Tiếp theo, T1 đưa lại Giấy phép lái xe cùng hồ sơ cho những người trên, khi mọi người đều thắc mắc việc chưa đi thi nhưng đã có Giấy phép lái xe thì T1 nói anh trai nhờ người thi hộ, đồng thời hướng dẫn mọi người kiểm tra mã QR để xác định thông tin cá nhân trên hệ thống nhưng do nghi ngờ nên mọi người không sử dụng. Sau đó, chị H đã tiêu hủy Giấy phép lái xe hạng A1 của mình; chị M đã vứt đi toàn bộ hồ sơ cùng Giấy phép lái xe hạng A1 của mình; chị T đã làm rơi toàn bộ hồ sơ cùng Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đặng Văn T trên đường đi làm; chị N đã làm rơi Giấy phép lái xe hạng A1 của mình trên đường đi và từ ngày 11 đến ngày 14/5/2021, chị T, T, Phạm Thị H, Nguyễn Thị H, M, N cùng anh T lần lượt làm đơn trình báo, còn những người khác đã giao nộp Giấy phép lái xe, hồ sơ khi làm việc với Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam.

Quá trình điều tra còn xác định:

- Đối với Đỗ Tiến T: Khoảng tháng 6/2020, T còn trực tiếp nhận qua Zalo ảnh chụp ảnh 3x4, thẻ Căn cước công dân của anh Đinh Văn T, sinh năm 1998 và chị Chu Thị T, sinh năm 1989, đều trú tại xã Lâm, huyện H, thành phố Hà Nội cùng số tiền 4.000.000 đồng do chị T gửi thông qua tài khoản số 020083136724 của anh Kiều Văn H, sinh năm 1990 (*là chồng chị T và 2 vợ chồng dùng chung tài khoản)* mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Thường Tín vào tài khoản số 108868940445 của T mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương chi nhánh Hà Nội để làm Giấy phép lái xe hạng A1 cho anh T, chị T. Sau khi nhận được Giấy phép lái xe hạng A1, anh T, chị T đều thắc mắc việc chưa đi thi nhưng đã có Giấy phép lái xe thì T cam đoan là Giấy phép lái xe thật, có đầy đủ giấy tờ và hướng dẫn kiểm tra mã QR để xác định thông tin cá nhân trên hệ thống, nhưng do nghi ngờ nên anh T, chị T không sử dụng. Đến ngày 22 và 25/6/2021, anh T, chị T lần lượt giao nộp toàn bộ Giấy phép lái xe hạng A1 cùng hồ sơ cho Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam.

Ngoài ra, thông qua anh Tạ Tuấn T, sinh năm 1994, trú tại xã L huyện H, Đỗ Tiến T đã nhận ảnh chụp ảnh 3x4, thẻ Căn cước công dân của anh Tạ Văn L, sinh năm 1998, trú tại xã L, huyện H cùng số tiền 2.000.000 đồng để làm Giấy phép lái xe hạng A1 cho anh L và thông qua anh L để nhận của các anh Trương Đình T, sinh năm 1997, Trương Đức T, sinh năm 1993, Trương Quốc B, sinh năm 1999, Đỗ Xuân Q, sinh năm 1997, Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1992 và chị Lê Thị H, sinh năm 1980, đều trú tại xã Tảo Dương V, huyện H (*do anh Trương Quốc H, sinh năm 1998, trú tại xã V, huyện H giới thiệu*) và các chị Tạ Thị H, sinh năm 1989, Trần Thị Thu T, sinh năm 1998, anh Lê Quang D, sinh năm 1997, đều trú tại xã L, huyện H và một người tên L *(là bạn của chị T, hiện chưa xác định được lai lịch)* ảnh chụp ảnh 3x4, thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh thư nhân dân cùng số tiền 2.000.000 đồng/1 Giấy phép lái xe hạng A1 từ tài khoản số 1014297170 của L mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt

Nam chi nhánh Chương Dương vào tài khoản số 108868940225 của T mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương chi nhánh Hà Nội để làm Giấy phép lái xe hạng A1 cho những người này.

Đối với các Giấy phép lái xe hạng A1 của các anh L, T, T, B, Q, T, Dũng và các chị H, H, T, L. Sau khi thấy không phải thi nhưng vẫn có Giấy phép lái xe, anh L đã tự hủy Giấy phép lái xe cùng hồ sơ của mình đi, đồng thời liên hệ với những người trên để trả lại tiền và yêu cầu hủy toàn bộ Giấy phép lái xe cùng hồ sơ đi. Tiến hành làm việc với anh T xác định đã hủy toàn bộ Giấy phép lái xe cùng hồ sơ, chị H xác định anh L chưa đưa Giấy phép lái xe cho mình; những người khác hiện không có mặt tại địa phương, chính quyền và gia đình không biết đi đâu, làm gì. Do vậy, Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam không thu giữ được Giấy phép lái xe hạng A1 cùng hồ sơ hoặc bất kỳ tài liệu nào khác để làm căn cứ chứng minh T đã làm giả tài liệu cho những người này.

- Đối với Đỗ Thị T2: Sau khi được T1 trao đổi, bản thân T2 đã đi thi cấp Giấy phép lái xe hạng A1 đúng quy định ở Trường Trung cấp nghề giao thông vận tải Hưng Yên nên T2 biết rõ việc làm Giấy phép lái xe không phải thi là bất hợp pháp, nhưng vì vụ lợi nên khoảng 10/2020, trong lúc làm việc tại Công ty TNHH Sam Kyoung ViNa có địa chỉ tại Khu Công nghiệp Đồng Văn II thuộc phường D, thị xã D, T2 nói với một số công nhân làm cùng trong đó có chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1984, trú tại xã K, huyện X, chị Đỗ Thị N, sinh năm 1991, trú tại xã P, huyện X và về nhà nói với chị Phạm Thị Thân T, sinh năm 1993, trú tại xã V, huyện L việc T2 có anh trai làm trên Bộ ở Hà Nội làm được Giấy phép lái xe, có thể bố trí thời gian thi vào ngày nghỉ, chỉ cần gửi ảnh 3x4, ảnh chụp thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh thư nhân dân và số tiền 2.000.000 đồng. Chị C đã nói lại với chồng là anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984; chị N nói lại với chị dâu là Bùi Thị M, sinh năm 1986, trú tại xã P, huyện X và chị T nói lại sự việc cho chị Phạm Thị N, sinh năm 1974, trú tại xã M, huyện X. Do chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1988, trú tại xã L, huyện H làm cùng tổ với T2 nghe được nên đã nói lại sự việc cho chị Phạm Thị H, sinh năm 1985 và chị Đinh Thị T, sinh năm 1984, trú tại xã L, huyện H *(đều là chị em họ với chị B)* biết. Sau đó, chị H nói lại sự việc cho chị Lê Thị L, sinh năm 1986, trú tại xã L, huyện H. Do đều có nhu cầu làm Giấy phép lái xe hạng A1 nên anh Q bảo chị C nhờ T2 làm Giấy phép lái xe hạng A1; chị M cung cấp ảnh 3x4, bản phô tô thẻ Căn cước công dân cho chị N để đưa cho T2; chị N cung cấp ảnh 3x4, chụp ảnh Chứng minh thư nhân dân cùng đưa số tiền 2.000.000 đồng cho chị T để đưa cho T2 và các chị H, T, L nhờ chị B giới thiệu gặp T2. Khi gặp T2, chị C cung cấp ảnh chụp ảnh 3x4 và Chứng minh thư nhân dân của anh Q cùng số tiền 2.000.000 đồng cho T2 để làm Giấy phép lái xe hạng A1 cho anh Q; chị T cung cấp ảnh chụp ảnh 3x4 và Chứng minh thư nhân dân của chị N cùng số tiền

2.000.000 đồng cho T2; các chị H, T, L đã cung cấp ảnh 3x4, ảnh chụp thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh thư nhân dân và số tiền 2.000.000 đồng/ 1 Giấy phép lái xe cho T2; riêng chị N, sau khi cung cấp ảnh 3x4 và bản phô tô căn cước công dân của mình và chị M cho T2 thì T2 yêu cầu nộp số tiền 2.000.000 đồng, chị N nói giá cao nên không nhờ T2 làm nữa, nhưng cũng không lấy lại ảnh 3x4, bản phô tô thẻ Căn cước công dân của mình và chị M đã đưa T2 trước đó. Tổng số tiền T2 thu của 05 người trên là 10.000.000 đồng.

Sau đó Đỗ Thị T2 đã chuyển toàn bộ ảnh chụp ảnh 3x4 và thẻ Căn cước công dân, chứng minh thư nhân dân cùng số tiền 2.000.000 đồng/1 Giấy phép lái xe hạng A1 cho Đỗ Thị T1 để chuyển cho Đỗ Tiến T. Khoảng hai tuần sau, T chuyển 05 Giấy phép lái xe cùng hồ sơ của những người trên cho T1 để chuyển lại cho T2. Sau khi nhận được Giấy phép lái xe cùng hồ sơ, T2 hẹn gặp và đưa cho chị H, T, L mỗi người một Giấy phép lái xe cùng hồ sơ thì những người này đều thắc mắc việc chưa đi thi nhưng đã có Giấy phép lái xe thì T2 nói có anh trai nhờ người thi hộ, đồng thời hướng dẫn kiểm tra mã QR để xác định thông tin cá nhân trên hệ thống nhưng do nghi ngờ nên mọi người đều không sử dụng. Đối với chị T và chị C, sau khi nhận được Giấy phép lái xe hạng A1 đã mang về đưa lại cho chị N và anh Q nhưng chị N, anh Q đều thắc mắc việc chưa đi thi mà vẫn có Giấy phép lái xe nên không sử dụng. Đến ngày 26/6/2021, 03/8/2021 và 27/8/2021 thì chị H, T, L, N và C lần lượt đến Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam giao nộp toàn bộ Giấy phép lái xe hạng A1 cùng hồ sơ.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1, 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 bài sát hạch lý thuyết đều mang tên Lương Thị T do chị T giao nộp.

- 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1, 01 bài sát hạch lý thuyết, 01 Giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Tạ Thị T do chị T giao nộp.

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1, 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe mang tên Phạm Thị H do chị H giao nộp.

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 bài sát hạch lý thuyết, 01 đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Nguyễn Thị H do chị H giao nộp.

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1, 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 bài sát hạch lý thuyết đều mang tên Nguyễn Thị Tuyết M do chị M giao nộp.

- 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1, 01 Giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Nguyễn Thùy L do chị N giao nộp.

- 01 đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1, 01 bài sát hạch lý thuyết, 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe đều mang tên Nguyễn Thị H do chị H giao nộp.

- 01 đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1, 01 bài sát hạch lý thuyết, 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe đều mang tên Trần Cẩm N do chị N giao nộp.

- 01 bìa nhựa màu vàng khi Giấy phép lái xe mang tên Trần Văn H và 01 bộ hồ sơ gồm 01 bìa giấy ghi Chứng chỉ sơ cấp; 01 bìa giấy ghi Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe; 01 bìa giấy ghi Giấy chứng nhận tốt nghiệp; 01 Giấy khám sức khỏe của người lái xe, 01 đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe đều mang tên Trần Văn H do anh H giao nộp.

- 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Realme C3i; 01 thẻ VietCredit số tài khoản 21506556; 01 thẻ Ngân hàng BIDV, 01 thẻ Ngân hàng Vietcombank, 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 Giấy chứng nhận bắt buộc TNDS, 01 Giấy đăng ký xe mô tô đều mang tên Đỗ Thị T1 do T1 tự nguyện giao nộp.

- 01 Giấy khai sinh (bản sao) mang tên Nguyễn Đỗ Ngọc A, sinh ngày 10/10/2018, mẹ là Đỗ Thị T1, cha là Nguyễn Văn T do UBND xã H cung cấp.

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 bài sát hạch lý thuyết, 01 đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Đinh Văn T do anh T giao nộp.

- 01 đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1, 01 bài sát hạch lý thuyết, 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 bài sát hạch lý thuyết, 01 Giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Chu Thị T và Sao kê lịch sử giao dịch từ ngày 28/7/2020 đến ngày 25/11/2020 của số tài khoản 020083136724 của anh Kiều Văn H, sinh năm 1990 (*là chồng chị T)* mở tại Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh T thể hiện chuyển vào tài khoản của T 4.000.000 đồng do chị T giao nộp.

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 thẻ Căn cước công dân đều mang tên Đỗ Tiến T; 01 Huy chương chiến sỹ vẻ vang, 01 Huy chương chiến sỹ giải phóng, 01 Quyết định về việc trợ cấp đối với con đẻ của người hoạt động khách chiếm bị nhiễm chất độc hóa học đều mang tên Lưu Thị L; 01 Bản trích lục khai tử mang tên Đỗ Xuân K và một số giấy tờ khác do Đỗ Tiến T tự nguyện giao nộp.

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 bài sát hạch lý thuyết, 01 đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe

hạng A1, 01 Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình đều mang tên Đinh Thị T do chị T giao nộp.

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 bài sát hạch lý thuyết, 01 đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Lê Thị L do chị L giao nộp.

- 05 tài liệu liên quan đến nội dung tin nhắn giữa chị B với tài khoản Zalo S.k.u.e Tuyet do chị B giao nộp và khai đây là tài khoản Zalo của T2.

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 bài sát hạch lý thuyết, 01 đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Nguyễn Văn Q và 01 bản phô tô Căn cước công dân, 01 bản phô tô Giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Thị C do chị C giao nộp.

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1, 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, 01 bài sát hạch lý thuyết, 01 Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình đều mang tên Phạm Thị N và 01 đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1 do chị N giao nộp.

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đỗ Thị T2 và 01 hồ sơ gồm: Đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe, Giấy khám sức khỏe của người lái xe, Phiếu thu lệ phí sát hạch lý thuyết và 01 Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe đều mang tên Đỗ Thị T2 do T2 tự nguyện giao nộp.

Ngày 13/5/2021, 01/6/2021 và ngày 07/7/2021, Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam giám định tài liệu đối với các Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Thị H, Nguyễn Thùy L, Phạm Thị H, Lương Thị T, Tạ Thị T, Nguyễn Thị Tuyết M và Đỗ Thị T1 được ký hiệu từ A1 đến A7 là thật hay giả; giám định chữ viết đối với Đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1 của Nguyễn Thị H, Nguyễn Thùy L, Lương Thị T, Nguyễn Thị Tuyết M, Tạ Thị T, Phạm Thị H, Nguyễn Thị H, Trần Cẩm N, Trần Văn H và Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe hạng A1 của Nguyễn Thùy L, Phạm Thị H, Trần Văn H cùng Giấy khám sức khỏe của Trần Văn H ký hiệu từ A1 đến A13 so sánh với 03 Bản tường trình của Đỗ Tiến T ngày 27/5/2021, 28/5/2021 ký hiệu M1, M2, M3 có phải do cùng một người viết ra hay không; giám định các Giấy phép lái xe hạng A1 của Đinh Thị T, Lê Thị L, Phạm Thị H, Chu Thị T, Đinh Văn T và Giấy phép lái xe hạng B2 của Trần Văn H ký hiệu từ A7 đến A12 là thật hay giả. Đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1 của Chu Thị T, Đinh Văn T, Lê Thị L, Phạm Thị H và Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe hạng A1 của Lê Thị L, Phạm Thị H ký hiệu từ A1 đến A6 so sánh với 03 Bản tường trình của Đỗ Tiến T ngày 27/5/2021, 28/5/2021 ký hiệu M1, M2, M3 có phải do cùng một người viết ra hay không; giám định Giấy phép lái xe hạng A1 của Phạm Thị N, Nguyễn Văn Q ký hiệu A2, A3 là thật hay giả và Đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng A1 của Nguyễn Văn Q ký hiệu A1 so

sánh với 03 Bản tường trình của Đỗ Tiến T ngày 27/5/2021, 28/5/2021 ký hiệu M1, M2, M3 có phải do cùng một người viết ra hay không.

Tại bản Kết luận giám định số 12/PC09-TL ngày 19/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam, kết luận: *"07 Giấy phép lái xe gửi giám định ký hiệu từ A1 đến 47 là giả".*

Tại bản Kết luận giám định số 15/PC09-TL ngày 08/6/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam, kết luận: *"Chữ viết phần nội dung trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A13 so với chữ viết của Đỗ Tiến T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người viết ra."*

Tại bản Kết luận giám định số 26/PC09-TL ngày 30/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam, kết luận: *"Chữ viết phần nội dung trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6 so với chữ viết của Đỗ Tiến T* trên tài liệu mẫu ký hiệu MI, M2, M3 *do cùng một người viết ra; 06 Giấy phép lái xe gửi giám định ký hiệu từ A7 đến 12 là giả".*

Tại bản Kết luận giám định số 35/PC09-TL ngày 08/9/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam, kết luận*: "Chữ viết phần nội dung trên các tài liệu cần giám định kỳ hiệu từ A1 so với chữ viết của Đỗ Tiến T trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người viết ra; 02 Giấy phép lái xe gửi giám định ký hiệu từ A2, A3 là giả".*

Tiến hành kiểm tra điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3i thu giữ của Đỗ Thị T1, phát hiện tại ứng dụng Messenger có cuộc trò chuyện giữa tài khoản Facebook "*Tình Thư"* với các tài khoản "*Tuyển Lê*", "*Rèm Thuyết*" có nội dung hỏi làm Giấy phép lái xe. T1 khai không biết lai lịch của các chủ tài khoản này và những người này chỉ hỏi nhưng chưa nhờ T1 làm Giấy phép lái xe. Ngoài ra, sau khi tiến hành sao lưu và kiểm tra dữ liệu lưu trữ trong ĐTDĐ thấy tại ứng dụng Google Photo (*được đăng nhập bằng tài khoản gmail dothitinh018@gmail.com*) phát hiện một số hình ảnh chụp CMND, CCCD, ảnh thẻ, hồ sơ thi lái xe, Giấy phép lái xe được sao lưu trên hệ thống của Google. Quá trình kiểm tra xác định một số hình ảnh liên quan đến việc làm Giấy phép lái xe và được in ra 95 tờ giấy A4.

Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam có văn bản đề nghị Công ty tài chính cổ phần Tín Việt cung cấp thông tin về số tài khoản 25106556, chủ thẻ là Đỗ Thị T1, kết quả xác định đây là thẻ tín dụng tiêu dùng cá nhân trả góp và được chấp thuận cho vay mức 15 triệu đồng, đã rút hết vào ngày 28/11/2020.

Tiến hành xác minh tại Ban Chỉ huy quân sự xã H xác định: T đã hoàn thành xong nghĩa vụ quân sự, được xuất ngũ vào tháng 9/2006.

Khi bắt tạm giam Đỗ Tiến T đã thu giữ: 01 xe mô tô BKS 29Y3 - 189.84; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị H; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Masstel.

Khám xét chỗ ở của Đỗ Tiến T tại Thôn P, xã H, huyện L, thu giữ: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone màu vàng đồng.

Tiến hành kiểm tra, khôi phục dữ liệu đối với ĐTDD Iphone màu vàng đồng đã thu giữ của Đỗ Tiến T, kết quả phát hiện có 35 hình ảnh chụp Chứng minh thư nhân dân, Căn cước công dân, nội dung tin nhắn về việc làm Giấy phép lái xe giả trên Zalo, được in ra 35 tờ giấy A4 và lưu trữ trong 01 USB dung lượng 32 GB; không có tài khoản Facebook *"Phạm Dung"*, danh bạ điện thoại cũng không có số điện thoại nào lưu tên Pham Dung. Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam đã tiến hành xác minh, kết quả xác định ngoài Đinh Văn T, Chu Thị T thì những người khác không nhờ T làm Giấy phép lái xe. Tiến hành kiểm tra ĐTDĐ nhãn hiệu Masstel thu giữ của T, kết quả: Không phát hiện dữ liệu, nội dung gì liên quan đến vụ án.

Tiến hành sao kê tài khoản số 108868940225 của Đỗ Tiến T mở tại Ngân hàng TMCP Công Thương chi nhánh Hà Nội, kết quả xác định Đỗ Thị T1, Tạ Văn L, Chu Thị T đã chuyển tiền vào tài khoản của T để làm Giấy phép lái xe hạng A1.

Tiến hành sao kê tài khoản số 1014297170 của Tạ Văn L mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Chương Dương, kết quả xác định L đã chuyển tiền vào tài khoản của Đỗ Tiến T để làm Giấy phép lái xe hạng A1.

Tiến hành xác minh tại Công ty Sam Kyoung Vina xác định: Đỗ Thị T2, Nguyễn Thị B, Đinh Thị T đều làm việc thời vụ tại Công ty từ ngày 06/10/2020 đến 30/11/2020; riêng Nguyễn Thị C là công nhân chính thức và làm việc tại Công ty từ ngày 07/6/2016 đến 01/4/2021; hiện Công ty đã chấm dứt hoạt động dự án từ ngày 18/6/2021.

Tiến hành cho các chị B, T, C, T nhận dạng qua ảnh đối với Đỗ Thị T1, kết quả: Chị B, T, C, T đều nhận dạng được ảnh của T2 trong bản ảnh.

Khám xét chỗ ở đối với Đỗ Thị T1 tại Thôn T, xã V, huyện L: Thu giữ 02 ảnh chân dung của 02 người phụ nữ khác nhau có kích thước 3x4cm. Quá trình thu giữ đã yêu cầu chị Nguyễn Thị L, anh Đào Đình T là những người chứng kiến ký xác nhận vào 02 ảnh trên, niêm phong theo quy định.

Tiến hành cho chị N, chị M nhận diện ảnh đối với 02 ảnh chân dung 3x4 ký hiệu K1, K2 đã thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của T2, kết quả: Chị N xác định ảnh ký hiệu K1 là ảnh chân dung của mình và trình bày đây là ảnh chân dung của chị N đã đưa cho chị T để làm hồ sơ đăng ký thi làm Giấy phép lái xe hạng A1; chị M xác định ảnh ký hiệu K2 là ảnh chân dung của mình và trình bày đây là ảnh chân dung của chị M đã đưa cho chị N để làm hồ sơ đăng ký thi làm Giấy phép lái xe hạng A1. Đồng thời, chị N, M đều giao nộp ảnh

chân dung 3x4 tương tự chụp cùng thời điểm cho Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam.

Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam có Văn bản trao đổi với Trung tâm giám định y khoa Hà Nội về việc có cấp Giấy khám sức khỏe mang tên Trần Văn H không, Kết quả xác định Trung tâm giám định y khoa Hà Nội đã tạm dừng, không khám sức khỏe cho người lái xe; trao đổi với Sở Lao động thương binh và xã hội thành phố Hà Nội về việc có cấp Chứng chỉ sơ cấp và Giấy chứng nhận tốt nghiệp mang tên Trần Văn H và có Trường Trung cấp nghề thành phố Hà Nội không, kết quả xác định không có Trung tâm dạy nghề đào tạo và sát hạch lái xe trực thuộc Sở Lao động thương binh và xã hội thành phố Hà Nội, không có trường nào có tên gọi Trường trung cấp nghề thành phố Hà Nội; trao đổi với UBND tỉnh và Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh Hà Nam về việc có trường Trung cấp nghề tỉnh Hà Nam không, kết quả xác định không có trường Trung cấp nghề tỉnh Hà Nam; trao đổi với Bộ Giao thông vận tải về việc quản lý Trung tâm đào tạo lái xe Việt Nam, kết quả xác định không có thông tin về Trung tâm đào tạo lái xe Việt Nam.

Tại Cơ quan điều tra, Đỗ Thị T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Đối với Đỗ Tiến T chỉ thừa nhận làm giả Giấy phép lái xe cùng hồ sơ cho Trần Văn H, Đinh Văn T, Chu Thị T và khai sau khi nhận ảnh chụp ảnh 3x4, thẻ Căn cước công dân và Chứng minh thư nhân dân của anh T, chị T thì T chuyển cho đối tượng có tên tài khoản Facebook *"Phạm Dung"* để làm Giấy phép lái xe hạng A1. Khoảng 2 tuần sau, tài khoản Facebook *"Phạm Dung"* giao cho T Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đinh Văn T và Chu Thị T cùng hồ sơ được bọc trong phong bì dán kín thông qua dịch vụ giao hàng tiết kiệm (*T không biết lai lịch người giao hàng)*. T nhận và trả tiền 1.700.000 đồng/1 Giấy phép lái xe hạng A1 cho người giao hàng rồi điền thông tin còn thiếu vào hồ sơ và chuyển toàn bộ cho anh T, chị T thông qua dịch vụ chuyển phát nhanh. Còn các Giấy phép lái xe và hồ sơ của những người khác mà Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam đã thu giữ thì T không thừa nhận hành vi làm giả tài liệu mà trình bày do T1 nhờ điền hộ thông tin vào hồ sơ cho những người này.

Đối với Đỗ Thị T2 không thừa nhận hành vi, không thừa nhận đã từng làm Công nhân tại Công ty Sam Kyoung Vina.

Quá trình hỏi cung đối với bị cáo T1, T đã được ghi hình có âm thanh, lưu trong 02 USB.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô BKS 29Y3 - 189.84 cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Thị H là tài sản hợp pháp của chị Lê Thị H, sinh năm 1984, trú tại phường P, quận K, thành phố Hà Nội (*là vợ bị cáo T*), tiền mua xe do bà Tạ Thị N, sinh năm 1955, trú tại xã L, huyện H (*mẹ chị H)* cho và chị H không biết gì về việc làm vi phạm pháp luật của T. Do vậy, Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại 01 chiếc xe mô tô BKS 29Y3 - 189.84 cùng Giấy

chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Lê Thị H cho chị H. Ngày 01/11/2021, VKSND tỉnh Hà Nam đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến TAND thị xã D để xét xử theo thẩm quyền.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2021/HS-ST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

1. Về hình sự:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Tiến T.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Thị T1.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Thị T2.

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Tiến T, Đỗ Thị T1 và Đỗ Thị T2 phạm tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Xử phạt:

Đỗ Tiến T 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 09/6/2021.

Đỗ Thị T1 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 11/5/2021.

Đỗ Thị T2 03 (Ba) năm tù về tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp với hình phạt 10 (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo của Bản án hình sự phúc thẩm số 17/2020/HSPT ngày 23/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (Ba) năm 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự: Phạt tiền bị cáo Đỗ Tiến T 10.000.000đ (Mười triệu đồng); phạt tiền bị cáo Đỗ Thị T1 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điều 47 Bộ luật Hình sự và điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3i đã cũ, màu đỏ, có IMEIL 867470041253136 bên trong có một sim điện thoại của hãng Viettel; 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Masstel đã cũ, màu đen, có IMEIL 1353370092066448 bên trong có một sim điện thoại và 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone A1524 đã cũ, màu đồng, có IMEIL 352050077614641 bên trong có một sim điện thoại.

- Trả lại:

+ Bị cáo Đỗ Tiến T 01 Căn cước công dân và 01 Giấy phép lái xe mô tô, đều mang tên Đỗ Tiến T.

+ Bị cáo Đỗ Thị T1 01 Giấy chứng nhận xe mô tô; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc; 01 Thẻ ngân hàng BIDV; 01 Thẻ ngân hàng Viecombank; 01 (một) Thẻ ngân hàng Vietcredit, đều mang tên Đỗ Thị T1.

+ Bị cáo Đỗ Thị T2 01 Giấy phép lái xe; 02 Bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe; 01 Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe; 0 1 Bản photo chứng minh thư nhân dân; 01 Hóa đơn bán hàng; 01 Phiếu xét nghiệm hóa học; 01 Phiếu siêu âm; 01 Giấy khám sức khỏe, đều mang tên Đỗ Thị T2.

- Chuyển lưu hồ sơ vụ án: 01 Chiếc USB nhãn hiệu Team C 14/325; 01 Chiếc USB nhãn hiệu Kingston màu đen.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao nhận giữa Công an tỉnh Hà Nam và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D ngày 03/11/2021).

* Truy thu đối với bị cáo Đỗ Tiến T số tiền 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm ngàn đồng); bị cáo Đỗ Thị T1 số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) để sung Ngân sách nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội: Buộc các bị cáo Đỗ Tiến T, Đỗ Thị T1 và Đỗ Thị T2 mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo và các đương sự.

Ngày 22, 23 và 31 tháng 12 năm 2021, lần lượt các bị cáo Đỗ Tiến T, Đỗ Thị T1 và Đỗ Thị T2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Tiến T và Đỗ Thị T2 thay đổi nội dung kháng cáo: Bị cáo Đỗ Tiến T cho rằng chỉ phạm tội theo khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự vì chỉ làm giả 03 giấy phép lái xe; bị cáo Đỗ Thị T2 cho rằng không phạm tội. Bị cáo Đỗ Thị T1 giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Tiến T, Đỗ Thị T1 và Đỗ Thị T2. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bác kháng cáo của các bị cáo Đỗ Tiến T, Đỗ Thị T1 và Đỗ Thị T2; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 117/2021/HS-ST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã D. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đỗ Thị T1 thừa nhận tham gia làm giả các giấy phép lái xe như đã khai báo tại Cơ quan điều tra; hình phạt tù mà cấp sơ thẩm tuyên đối với bị cáo là quá nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo Đỗ Tiến T cho rằng chỉ nhận tiền làm giả 03 Giấy phép lái xe cho Trần Văn H, Đinh Văn T và Chu Thị T; đối với các trường hợp khác, bị cáo chỉ giúp Đỗ Thị T1 điền các thông tin vào các giấy tờ trong hồ sơ thi cấp giấy phép lái xe. Vì vậy, bị cáo chỉ phạm tội theo khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đỗ Thị T2 cho rằng không phạm tội vì không làm hoặc cung cấp phôi; không có máy in, con chíp; không tham gia in ấn giấy phép lái xe; không được hưởng lợi vật chất gì; chỉ giới thiệu và giúp Đỗ Thị T1 nhận ảnh, căn cước hoặc chứng minh thư nhân dân của một số người rồi chuyển cho Đỗ Thị T1; chỉ có lời khai của Đỗ Thị T1 thì không đủ căn cứ kết tội bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Đỗ Tiến T, Đỗ Thị T1 và Đỗ Thị T2 trong thời hạn luật định, theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 332 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Tiến T và Đỗ Thị T2 thay đổi yêu cầu kháng cáo là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ đã có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án nên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Đỗ Tiến T và Đỗ Thị T2:

Lời khai của bị cáo Đỗ Thị T1 tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là những người nộp hồ sơ, lệ phí thi cấp giấy phép lái xe và anh Trần Văn D là người làm dịch vụ chuyển tiền lưu trong hồ sơ vụ án; phù hợp với kết luận giám định, các tài liệu, vật chứng đã thu giữ và phù hợp với một phần lời khai của các bị cáo Đỗ Tiến T và Đỗ Thị 21. Do đó đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 5/2020, Đỗ Tiến T thấy trên tài khoản Facebook *"Phạm Dung"* đăng bài làm Giấy phép lái xe mà không phải thi. Nhận thức rõ việc có Giấy phép lái xe mà không phải thi, sát hạch là không đúng quy định của phạm pháp luật, giấy phép lái xe đó là giả nhưng vì vụ lợi nên sau đó Đỗ Tiến T đã

bàn với Đỗ Thị T1 tìm người có nhu cầu để làm Giấy phép lái xe mà không phải thi, với giá hạng A1 là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; hạng B2 là 13.000.000 đồng/01 giấy phép; T1 được hưởng 200.000 đồng/1 Giấy phép lái xe hạng A1 và 3.000.000 đồng/l Giấy phép lái xe hạng B2. Đồng thời T đã làm giả Giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Đỗ Thị T1, đưa cho T1 sử dụng. T1 biết rõ đây là việc làm phạm pháp, nhưng vẫn đồng ý. Sau đó T1 nói lại việc này với Đỗ Thị T2 và bảo T2 nếu ai có nhu cầu thì nhận tiền, ảnh, chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân rồi chuyển cho T1 để T1 chuyển cho T. Đỗ Thị T2 đã thi và được cấp Giấy phép lái xe hạng A1 nên biết rõ việc có Giấy phép lái xe mà không phải thi là không đúng quy định, nhưng vẫn đồng ý và thực hiện làm giả Giấy phép lái xe, cụ thể như sau:

Khoảng tháng 8/2020, trong thời điểm làm công nhân tại Công ty TNHH LEO JINS Việt Nam có địa chỉ tại Khu Công nghiệp Đồng Văn I, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam, Đỗ Thị T1 đã nhận ảnh 3x4, thẻ Căn cước công dân hoặc Chứng minh thư nhân dân, cùng số tiền 2.000.000 đồng/1 người của các chị Lương Thị T; Tạ Thị T; Phạm Thị H; Nguyễn Thị H; Nguyễn Thị Tuyết M; Nguyễn Thị H; Trần Cẩm N, Bùi Thị M, Nguyễn Thùy L (*thông qua mẹ là chị Nguyễn Thị N);* anh Đặng Văn T *(thông qua mẹ là chị Lại Thị T)* để làm Giấy phép lái xe hạng A1; nhận 13.000.000 đồng của anh Trần Văn H để làm Giấy phép lái xe hạng B2 rồi sau đó chuyển lại cho Đỗ Tiến T. Đến khoảng tháng 10/2020, T mang 11 Giấy phép lái xe giả, cùng hồ sơ về đưa cho T1 để T1 chuyển lại cho những người trên.

Khoảng tháng 6/2020, tại phường T, quận K, thành phố Hà Nội, Đỗ Tiến T nhận qua Zalo ảnh chụp ảnh 3x4, thẻ Căn cước công dân của anh Đinh Văn T và chị Chu Thị T cùng số tiền 4.000.000 đồng để làm Giấy phép lái xe hạng A1 cho anh T, chị T. Sau khi nhận Giấy phép lái xe hạng A1 do T chuyển đến, anh T, chị T nghi ngờ là Giấy phép lái xe giả nên không sử dụng . Đến ngày 23 và 25/6/2021, anh T, chị T lần lượt giao nộp Giấy phép lái xe hạng A1 giả cùng hồ sơ cho Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam.

Khoảng tháng 10/2020, trong thời điểm làm việc tại Công ty TNHH Sam Kyoung Vina có địa chỉ tại Khu Công nghiệp Đồng Văn II thuộc phường D, thị xã D, Đỗ Thị T2 đã nhận ảnh chụp ảnh 3x4 và Chứng minh thư nhân dân cùng số tiền 2.000.000 đồng/1 người của anh Nguyên Văn Q *(thông qua vợ là chị Nguyễn Thị C)*; chị Phạm Thị N (*thông qua chị Phạm Thị Thân T làm cùng Công ty*) và chị Phạm Thị H, Đinh Thị T, Lê Thị L để làm Giấy phép lái xe hạng A1 giả, sau đó chuyển cho Đỗ Thị T1 để T1 chuyển cho Đỗ Tiến T. Khoảng hai

tuần sau, T chuyển giấy phép lái xe giả cùng hồ sơ cho T1, sau đó T1 chuyển cho T2 để T2 đưa cho những người trên. Do nghi ngờ là Giấy phép lái xe giả nên những người trên không sử dụng. Đến ngày 26/6/2021, 03/8/2021 và 27/8/2021, các chị H, T, L, N và C lần lượt đến Cơ quan ANĐT - Công an tỉnh Hà Nam giao nộp giấy phép lái xe giả cùng hồ sơ.

Với hành vi trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2021/HS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã D đã quyết định tuyên bố bị cáo Đỗ Tiến T và Đỗ Thị T1 phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đỗ Thị T2 phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Bị cáo Đỗ Thị T2 cho rằng không làm hoặc cung cấp phôi; không có máy in, con chíp; không tham gia in ấn giấy phép lái xe; không được hưởng lợi vật chất gì nên không phạm tội là không có căn cứ, bởi lẽ: Trong vụ án đồng phạm thì người thực hiện hành vi phạm tội không nhất thiết phải thực hiện tất cả các hành vi ở mặt khách quan của tội phạm và đối với tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" thì lợi ích vật chất không phải là dấu hiệu bắt buộc.

Bị cáo Đỗ Tiến T cho rằng chỉ phạm tội theo khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ vì như đã phân tích và lập luận ở phần trên, đủ cơ sở kết luận bị cáo tham gia làm giả tổng số 18 giấy phép lái xe nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Như vậy, kháng cáo của các bị cáo Đỗ Thị T2, Đỗ Tiến T là không có căn cứ, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bị cáo Đỗ Thị T2 có tội nên bị cáo phải chịu hình phạt, án phí và các biện pháp tư pháp. Về hình phạt, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; vai trò của các bị cáo; áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, có mẹ đẻ là bà Lưu Thị L được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, Huy chương chiến sỹ giải phóng và có Quyết định về việc trợ cấp đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, từ đó quyết định xử phạt bị cáo Đỗ Thị T2 03 năm tù là phù hợp. Các quyết định

khác của bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Đỗ Thị T2 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Đỗ Tiến T, do bị cáo chỉ kháng cáo với nội dung hành vi của bị cáo chỉ phạm tội theo quy định tại khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự nên các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Đỗ Thị T1: Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, xâm phạm hoạt động bình thường, uy tín của cơ quan, tổ chức và ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo là người thực hành tích cực, có vai trò thứ hai sau bị cáo T và phải chịu T1tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là bị cáo thành khẩn khai báo, có mẹ đẻ là bà Lưu Thị L được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang, Huy chương chiến sỹ giải phóng và có Quyết định về việc trợ cấp đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, từ đó quyết định xử phạt bị cáo 04 năm tù là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, do đó kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

Bị cáo Đỗ Thị T1 phạm tội với mục đích vụ lợi, cấp sơ thẩm phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là cần thiết và đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị miễn hình phạt bổ sung của bị cáo là không có căn cứ để chấp nhận.

Án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo Đỗ Tiến T, Đỗ Thị T1 và Đỗ Thị T2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 117/2021/HS-ST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Tiến T.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Thị T1.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Thị T2.

1. Tuyên bố các bị cáo Đỗ Tiến T, Đỗ Thị T1 và Đỗ Thị T2 phạm tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

2. Xử phạt:

Đỗ Tiến T 06 (Sáu) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 09/6/2021.

Đỗ Thị T1 04 (Bốn) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 11/5/2021.

Đỗ Thị T2 03 (Ba) năm tù về tội: "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp với hình phạt 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo của Bản án hình sự phúc thẩm số 17/2020/HSPT ngày 23/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, buộc bị cáo Đỗ Thị T2 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 (Ba) năm 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Phạt tiền bị cáo Đỗ Tiến T 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng); bị cáo Đỗ Thị T1 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme C3i đã cũ, màu đỏ, có IMEIL 867470041253136 bên trong có một sim điện thoại của hãng Viettel, thu giữ của Đỗ Thị T1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel đã cũ, màu đen, có IMEIL 1353370092066448 bên trong có một sim điện thoại và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone A1524 đã cũ, màu đồng, có IMEIL 352050077614641 bên trong có một sim điện thoại, thu giữ của Đỗ Tiến T.

- Trả lại:

+ Bị cáo Đỗ Tiến T 01 Căn cước công dân và 01 Giấy phép lái xe mô tô, đều mang tên Đỗ Tiến T.

+ Bị cáo Đỗ Thị T1 01 Giấy chứng nhận xe mô tô; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc; 01 Thẻ ngân hàng BIDV; 01 Thẻ ngân hàng Viecombank; 01 (một) Thẻ ngân hàng Vietcredit, đều mang tên Đỗ Thị T1.

+ Bị cáo Đỗ Thị T2 01 Giấy phép lái xe; 02 Bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe ; 01 Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe; 0 1 Bản photo chứng minh thư

nhân dân; 01 Hóa đơn bán hàng; 01 Phiếu xét nghiệm hóa học; 01 Phiếu siêu âm; 01 Giấy khám sức khỏe, đều mang tên Đỗ Thị T2.

- Chuyển lưu hồ sơ vụ án: 01 Chiếc USB nhãn hiệu Team C 14/325; 01 Chiếc USB nhãn hiệu Kingston màu đen.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như trong biên bản giao nhận giữa Công an tỉnh Hà Nam và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D ngày 03/11/2021).

- Truy thu sung Ngân sách nhà nước đối với: Bị cáo Đỗ Tiến T số tiền 3.900.000đ (Ba triệu chín trăm ngàn đồng); bị cáo Đỗ Thị T1 số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Bị cáo Đỗ Thị T2 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Đỗ Tiến T, Đỗ Thị T1 và Đỗ Thị T2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- TAND thị xã D;
- VKSND thị xã D;
- Công an thị xã D;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã D;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Các bị cáo, đương sự;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Hải